

Số: 53 /QĐ-UBND

Hương Hữu, ngày 20 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6 /2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Căn cứ Công văn số 2869/UBND-XDCB ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân khai chi tiết các Chương trình MTQG năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế (đợt 4);
- Căn cứ Thông báo số 1017/TB-SKHĐT ngày 09/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giao kế hoạch vốn Chương trình MTQG năm 2020 (đợt 4);
- Căn cứ hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán và thiết kế bản công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9 do Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Toàn Đạt thực hiện;
- Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng số 15/TT-PC ngày 12/5/2020 của Công ty TNHH MTV Kiến trúc Phú Cường,

- Căn cứ Công văn số 108/KTHT ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9;

- Xét đề nghị của Công chức Địa chính - Nông nghiệp - xây dựng - môi trường, công chức Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9

2. Chủ đầu tư: UBND xã Hương Hữu, huyện Nam Đông.

3. Đơn vị lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Toàn Đạt.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đảm bảo cung cấp nước tưới ổn định cho vùng ruộng nhân dân đang sản xuất hưởng lợi từ công trình.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

- Nâng cấp tuyến kênh nhánh N2 đất cũ bằng kênh BTCT M200, đá dăm 1x2 với chiều dài 50m, kích thước lòng kênh đáy rộng 30cm, cao 20cm, tường và đáy kênh dày 12cm, lớp BT lót dày 10cm.

- Nâng cấp tuyến kênh nhánh N4 đất cũ bằng kênh BTCT M200, đá dăm 1x2 với chiều dài 46m, kích thước lòng kênh đáy rộng 30cm, cao 20cm, tường và đáy kênh dày 12cm, lớp BT lót dày 10cm.

- Nâng cấp sửa chữa tuyến kênh chính bị hư hỏng với chiều dài 257m, trong đó: thay mới 07m ống nhựa PVC d315, dày 9,2mm, lắp đặt 02 trụ đỡ ống. sửa chữa đáy kênh bằng bê tông M200 bằng đá dăm 1x2, rộng 40cm, dày 10cm và nâng 02 tường kênh bằng BTCT M200 chiều cao 20cm, rộng 12cm, với tổng chiều dài là 100m. sửa chữa đáy kênh bằng bê tông M200, rộng 30cm, dày 10cm, với tổng chiều dài 150m.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

8. Tổng mức đầu tư: 238.166.000,0 đồng

Bằng chữ: Hai trăm Ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Trong đó:

- Kinh phí nhà nước đầu tư: 200.000.000 đồng

+ Chi phí xây dựng: 169.774.000 đồng

+ Chi phí quản lý dự án: 5.277.000 đồng

- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 20.915.000 đồng
- + Chi phí khác: 2.740.000 đồng
- + Chi phí dự phòng: 1.294.000 đồng

- Kinh phí nhân dân đóng góp (hiền đất, tài sản trên đất): 38.166.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020.

10. Hình thức quản lý dự án: Đơn vị có đủ điều kiện, năng lực thực hiện quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: 60 ngày, kể từ ngày khởi công.

12. Đơn vị quản lý sử dụng công trình: UBND xã Hương Hữu.

13. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng: Cụ thể như biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê xã, Kế toán - ngân sách, Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường và các ngành đoàn thể có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện Nam Đông;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- TT HĐND xã;
- CT, phó CT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tròn

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9***(Kèm theo Quyết định số 53 /QĐ-UBND ngày 20 /5/2020 của UBND xã Hương Hữu)*

TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế (đồng)	Thuế VAT (đồng)	Chi phí sau thuế (đồng)
I	KINH PHÍ NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ	GNN	GNN + GXD + GQLDA + GTV+GK+GDP	182.185.000	17.815.100	200.000.000
1	Chi phí xây dựng	GXD	A1+A2+A3	154.340.000	15.434.000	169.774.000
	Tuyến kênh nhánh N2	A1		31.494.000	3.149.400	34.643.000
	Tuyến kênh nhánh N4	A2		27.565.000	2.756.500	30.322.000
	Tuyến kênh chính	A3		95.281.000	9.528.100	104.809.000
2	Chi phí quản lý dự án	GQLDA	G1*3.108%	4.797.000	479.700	5.277.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	GTV	TV1+...+TV4	19.014.000	1.901.400	20.915.000
	- Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV1	$G_{XD/1,1} * 6,2\% * 1,1 * 1,15$	11.004.000	1.100.400	12.104.000
	- Thẩm tra thiết kế	TV2	Theo Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng	2.000.000	200.000	2.200.000
	- Thẩm tra dự toán	TV3		2.000.000	200.000	2.200.000
	- Giám sát kỹ thuật thi công XD	TV4	$G_{XD} * 2,598\%$	4.010.000	401.000	4.411.000
4	Chi phí khác	GK	K1+K2+K3	2.740.000		2.740.000
	- Phí thẩm định BC KTKT	K1	$TMĐT * 0,019\%$	38.000		38.000

	- Phí kiểm tra hoàn thành công trình	K2	TV4*20%	802.000		802.000
	- Phí thẩm định quyết toán	K3	TMĐT*0.95%	1.900.000		1.900.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp		1.294.000		1.294.000
II	PHẦN KINH PHÍ NHÂN DÂN ĐÓNG GÓP	Gnd		38.166.000		38.166.000
1	Hiền đất ruộng lúa để làm kênh mương			9.821.000		9.821.000
2	Hiền đất hoa màu làm đường vận chuyển bộ vật liệu thi công đến chân công trình, bãi tập kết vật liệu, lán trại			28.345.000		28.345.000
	Tổng cộng	G	GNN+Gnd	220.351.000	17.815.100	238.166.000

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA DỰ ÁN**Công trình: Sửa chữa, nâng cấp kênh nhánh đập C9***(Kèm theo Quyết định số 53 /QĐ-UBND ngày 20 /5/2020 của UBND xã Hương Hữu)*

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện HĐ	Phương thức đấu thầu	Hình thức thực hiện hợp đồng	Nguồn vốn	Ghi chú	
I	Phần đã thực hiện	16.504.000,0						Vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020.		
1	Gói thầu số 01: Tư vấn lập báo cáo KTKT	12.104.000,0	Chỉ định thầu	Đã thực hiện						
2	Gói thầu số 02: thăm tra dự toán, thiết kế	4.400.000,0	Chỉ định thầu	Đã thực hiện						
II	Phần tổ chức lựa chọn nhà thầu	179.462.000,0								
1	Gói thầu số 03: Thi công xây dựng (chi phí xây lắp, chi phí hạng mục chung)	169.774.000,0	Chỉ định thầu	Quý II-III/2020	60 ngày		Trọn gói			
2	Gói thầu số 04: Giám sát thi công xây dựng	4.411.000,0	Chỉ định thầu		Theo gói thầu số 03		Trọn gói			
3	Gói thầu số 05: Quản lý dự án	5.277.000,0	Chỉ định thầu				Trọn gói			
III	Phần không tổ chức lựa chọn nhà thầu	42.200.000,0								
1	Chi phí thẩm định quyết toán	1.900.000,0	Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện							
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	802.000,0								
3	Chi phí thẩm định BCKTKT	38.000,0								
4	Chi phí dự phòng	1.294.000,0								
5	Phần kinh phí nhân đóng góp (Giá trị hiến đất, cây quy đổi)	38.166.000,0								
V	Tổng cộng	238.166.000								

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn.